

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG -T.D.K

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	01 - 03
2	Báo cáo kiểm toán	04 - 05
3	Bảng cân đối kế toán	06 - 07
4	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
5	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
6	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc lập và trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Khái quát chung về công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Molybden Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015125 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 13/12/2011.

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC
Trụ sở : Số 738 Lạc Long Quân, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại : 04 37 198 888 Fax: 04 37 192 222
Vốn điều lệ : 268.000.000.000 đồng.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hiên	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Tiến	Ủy viên
Ông Vũ Mạnh	Ủy viên
Ông Hứa Trung Sỹ	Ủy viên
Ông Ngô Văn Hiến	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hiên	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Mạnh	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K là công ty kiểm toán có đủ năng lực được Hội đồng Quản trị lựa chọn là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 được Ban Giám đốc Công ty trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 lãi: 40.347.821.738 đồng.

Các sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính năm 2012

Ngày 19/07/2010, Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc có Quyết định số 117/2010/QĐ-ĐHĐCĐ-KTB về việc góp vốn vào Công ty Cổ phần An Hồng Phương bằng giá trị quyền khai thác và kinh doanh các mỏ tại Hòa Bình, Yên Bái và Lai Châu trị giá 235.590.000.000 đồng. Theo đó Công ty đã ghi nhận 235.590.000.000 đồng vào thu nhập khác và thực hiện kê khai kê khai, hạch toán thuế TNDN trong năm 2010 giá trị là: 66.228.465.153 đồng, nhưng chưa nộp thuế cho ngân sách nhà nước. Thu nhập còn lại là 198.685.395.457 đồng Công ty đã thực hiện phân phối Quỹ Đầu tư phát triển giá trị là 257.240.498 đồng, Quỹ dự phòng tài chính giá trị là 128.620.249 đồng, chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu tại 31/12/2010 bằng cổ phiếu và tăng vốn điều lệ giá trị là: 180.000.000.000 đồng.

Ngày 6/03/2012 Tổng Cục Thuế đã có Công văn số 747/TCT-CS gửi Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc, trong đó có nêu rõ: việc góp vốn bằng quyền khai thác và kinh doanh mỏ là không đúng quy định, đồng thời yêu cầu Công ty điều chỉnh giảm khoản thu nhập cũng như các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan và làm thủ tục với Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Kạn để rút vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần An Hồng Phương. Ngày 21/05/2012 tại Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 55/2012/BB-ĐHĐCĐ, đã nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị làm các thủ liên quan đến việc rút lại vốn góp bằng quyền khai thác và kinh doanh mỏ tại Công ty Cổ phần An Hồng Phương. Theo đó, tại cuộc họp Hội đồng Quản trị ngày 20/06/2012 Hội đồng Quản trị đã ra Nghị quyết số 68/2012/BB-HĐQT về việc rút lại quyền khai thác mỏ đã đem góp vốn vào Công ty Cổ phần An Hồng Phương, toàn bộ giá trị quyền khai thác & kinh doanh mỏ là 235.590.000.000 đồng, đồng thời góp vốn bằng Tiền mặt cho Công ty Cổ phần An Hồng Phương là 50.000.000.000 đồng. Việc này đã được Sở Kế hoạch & Đầu tư chấp nhận, Công ty đã hoàn thành thủ tục rút và góp vốn.

Công ty đã thực hiện điều chỉnh giảm thu nhập, giảm thuế TNDN phải nộp, giảm các quỹ đồng thời dùng số dư của Quỹ dự phòng tài chính & Lợi nhuận chưa phân phối có số dư đến 31/12/2011 để bù đắp phần cổ tức đã tăng vốn điều lệ giá trị là 64.877.874.163 đồng, phần còn lại giá trị là 115.122.125.837 đồng ghi nhận là khoản Phải thu khác chờ bù đắp bằng lợi nhuận sau thuế của các năm tài chính tiếp theo. Việc ghi nhận khoản phải thu nêu trên thực chất là khoản vốn thiếu, nhưng không thể hạch toán giảm vốn chủ sở hữu vì các cổ đông năm 2010 không còn là các cổ đông hiện hữu tại ngày 31/12/2012.

Công ty không thực hiện điều chỉnh hồi tố các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các nội dung trên mà thực hiện điều chỉnh vào năm tài chính 2012.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

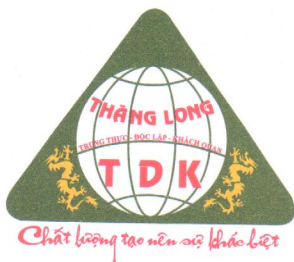
Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiên

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THĂNG LONG - T.D.K

THANG LONG - T.D.K AUDITING AND CONSULTANT COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội	: Số 23 Đỗ Quang, Cầu Giấy, Hà Nội	- Tel: (04)6 251 0008	- Fax: (04)6 251 1327
Chi nhánh Miền nam	: C14, Quang Trung, phường 11	- Tel: (08)3 589 7462	- Fax: (08)3 589 7464
Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM	: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM	- Tel: (08)3 848 0763	- Fax: (08)3 526 7187
Chi nhánh Đà Nẵng	: Số 42 Trần Tống, TP. Đà Nẵng	- Tel: (0511)3 651 818	- Fax: (0511)3 651 868
Chi nhánh Lạng Sơn	: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu	- Tel: (025)3 718 545	- Fax: (025)3 716 264

Số: 77A /2013/BCKT-TL-T.D.K

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc

Kính gửi : **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Như Báo cáo Ban Giám đốc - mục Các sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2012, toàn bộ các bút toán điều chỉnh liên quan đến hướng dẫn tại Công văn số 747/TCT-CS ngày 06/03/2012 của Tổng Cục thuế đã được Công ty thông qua phương án điều chỉnh tại Đại Hội đồng cổ đông, biên bản họp số 55/2012/BB-ĐHĐCĐ ngày 21/05/2012 và điều chỉnh vào báo cáo tài chính năm 2012 mà không thực hiện điều chỉnh lại số dư đầu năm theo quy định hiện hành.

Khoản cổ tức đã chia năm 2010 chưa có nguồn bù đắp đang được Công ty ghi nhận trên khoản Phải thu khác với giá trị: 115.122.125.837 đồng, chờ bù đắp bằng lợi nhuận sau thuế của những năm tài chính tiếp theo.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề nêu trên (nếu có), Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại thời điểm nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN THẮNG LONG - T.D.K**

Tổng Giám đốc



Kiểm toán viên

Nguyễn Trung Kiên

Chứng chỉ KTV số: 1129/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		183.002.365.245	58.987.913.874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.873.037.282	252.976.933
1. Tiền	111		1.873.037.282	252.976.933
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.144.272.353	30.708.627.716
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	20.686.342.260	23.203.111.308
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	25.227.154.943	7.505.516.408
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	115.230.775.150	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	17.630.514.402	7.130.149.188
1. Hàng tồn kho	141		17.630.514.402	7.130.149.188
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.354.541.208	20.896.160.037
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.155.524.480	608.382.728
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	1.199.016.728	20.287.777.309
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		149.666.662.544	342.483.249.306
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		99.418.337.544	96.644.924.306
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	13.445.578.950	16.870.694.633
Nguyên giá	222		18.231.301.097	18.594.487.916
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4.785.722.147)	(1.723.793.283)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	85.972.758.594	79.774.229.673
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.000.000.000	235.590.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.09	50.000.000.000	235.590.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		248.325.000	10.248.325.000
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	248.325.000	10.248.325.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		332.669.027.789	401.471.163.180

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012	Tại 31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.393.725.189	108.411.978.622
I. Nợ ngắn hạn	310		57.393.725.189	108.411.978.622
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	2.400.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	V.12	28.888.994.034	4.388.881.707
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	438.931.192	15.350.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	9.461.726.721	73.794.584.604
5. Phải trả người lao động	315		515.478.573	405.010.283
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	13.440.077.006	13.410.897.006
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.248.517.663	1.062.605.022
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		275.275.302.600	293.059.184.558
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	275.275.302.600	293.059.184.558
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		268.000.000.000	268.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.622.245.370	4.250.420.088
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		351.785.494	2.125.210.044
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		301.271.736	18.683.554.426
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		332.669.027.789	401.471.163.180

Người lập biểu



Đỗ Hữu Mạnh

Kế toán trưởng



Ngô Văn Hiến

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	78.277.197.600	194.072.325.009
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		78.277.197.600	194.072.325.009
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	75.226.519.200	152.973.925.365
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.050.678.400	41.098.399.644
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	41.066.063.832	961.737.250
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	146.588.492	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		146.588.492	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.730.166.436	3.782.362.110
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.239.987.304	38.277.774.784
11. Thu nhập khác	31	VI.21	1.000.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.22	787.991.654	438.641.942
13. Lợi nhuận khác	40		212.008.346	(438.641.942)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.451.995.650	37.839.132.842
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.23	104.173.913	9.569.443.696
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		40.347.821.738	28.269.689.146
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.24	1.506	1.055

Người lập biểu



Đỗ Hữu Mạnh

Kế toán trưởng



Ngô Văn Hiến

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thị Hiền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40.451.995.650	37.839.132.842
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		
- Khấu hao Tài sản cố định	03	3.370.200.847	1.188.635.550
- Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(41.136.727.712)	(961.737.250)
- Chi phí lãi vay	06	146.588.492	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	07	2.832.057.277	38.066.031.142
- Biến động các khoản phải thu		140.594.901.587	(7.959.061.012)
- Biến động hàng tồn kho		(10.500.365.214)	(5.020.054.241)
- Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(128.274.408.358)	11.747.105.243
- Biến động chi phí trả trước		-	230.908.499
- Tiền lãi vay đã trả		(146.588.492)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.206.000.000)	(2.030.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.000.000.000	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(438.641.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.299.596.800	34.596.287.689
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.145.610.283)	(37.947.493.575)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản khác	22	1.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(50.000.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.066.063.832	961.737.250
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	27	(14.079.546.451)	(36.985.756.325)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.800.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.400.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	36	2.400.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.620.050.349	(2.389.468.636)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	252.986.933	2.642.455.569
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.873.037.282	252.986.933

Người lập biểu



Đỗ Hữu Mạnh

Kế toán trưởng



Ngô Văn Hiến

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN
TÂY BẮC
Q. TÂY HỒ - TP. HÀ NỘI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc (viết tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

Vốn điều lệ của Công ty: 268.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng chẵn.)

2- Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản

3- Ngành nghề kinh doanh

Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, bán buôn các loại khoáng sản và luyện kim

- (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Nhập khẩu các thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ vận chuyên hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô theo hợp đồng;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm rà phá bom mìn);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng chuyên dụng khác;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn sắt thép;
- Bán buôn quặng kim loại;
- Bán buôn kim loại khác;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Bán buôn xi măng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại
- (trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường);
- Khai thác, xử lý & cung cấp nước;
- Thoát nước & xử lý nước thải;
- Tái chế phế liệu kim loại (trừ phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy và nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa (không bao gồm bốc xếp, vận chuyên tại cảng hàng không);
- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Đại lý./.

II- KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt nam, ký hiệu là "VND".

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm lập báo cáo tài chính.

2- Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyên và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3- Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành việc bán hàng.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định theo phương pháp chi phí trực tiếp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Trên 06 tháng đến dưới 01 năm	30%
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	50%
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	70%
Trên 03 năm	100%

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

5- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác (vận chuyển, lắp đặt, chạy thử ...) có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo quy định hiện hành về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

Tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	10 -25
Máy móc thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan đến quá trình làm thủ tục vay.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán, bao gồm:

- Chi phí nghiên cứu triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình.
- Chi phí sửa chữa văn phòng, thuê nhà.
- Công cụ dụng cụ có giá trị lớn xuất dùng.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 02 đến 03 năm.

Chi phí phải trả: Là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các khoản chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch. Hạch toán vào chi phí này gồm:

- Lãi vay phải trả.
- Chi phí vận chuyển, nhân công.

8- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế và cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

10- Phân phối lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt được trích lập các quỹ theo Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông, số còn lại có thể được chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn thực góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là nợ phải trả khi có quyết định công bố của Hội đồng quản trị.

Các quỹ của công ty bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính.

Mục đích của việc trích lập quỹ đầu tư phát triển là để bổ sung vốn điều lệ cho công ty, đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ sản xuất, trang thiết bị làm việc.

Mục đích của việc trích lập quỹ dự phòng tài chính là để bù đắp các tổn thất về tài sản do các nguyên nhân khách quan gây ra, bù các khoản lỗ do hoạt động kinh doanh không hiệu quả.

11- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12- Nguyên tắc, phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí hoặc lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư vào công ty con;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: 25%.

14- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với bên liên quan được trình bày trong phần thông tin khác của Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1- Tiền	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.858.721.110	227.695.328
Tiền gửi ngân hàng	14.316.172	25.281.605
Cộng:	<u>1.873.037.282</u>	<u>252.976.933</u>
2- Phải thu khách hàng	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
TCT Cổ phần Khoáng sản Na Rì Hamico	-	23.203.111.308
Công ty TNHH MTV Yên Bái - Lào Cai	20.686.342.260	-
Cộng:	<u>20.686.342.260</u>	<u>23.203.111.308</u>
3- Trả trước cho người bán	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty CP Tư vấn xây dựng DKSH	900.000.000	900.000.000
VP Đăng ký QSD đất Yên Bái	260.000.000	260.000.000
Cty CP Tư vấn mô địa chất	300.000.000	300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số 738 Lạc Long Quân, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

TTNC Ứng dụng khoa học về khoáng sản	360.000.000	360.000.000
Shanghai Xuanshi Machinery Co., Ltd	-	1.740.669.520
Cty TNHH Đại Đồng Tiến	-	168.064.000
Cty TNHH MTV XNK Yên Bái - Lào Cai	1.936.157.200	2.500.000.000
Cty TNHH Trường An	450.000.000	350.000.000
Cty TNHH Cơ khí Đức Sơn Giang	431.800.000	272.050.000
DNTN Nguyệt An		114.020.400
Điện lực Yên Bái	149.630.533	103.214.016
Cty CP Kiến Vàng	375.000.000	
Cty CP Hữu Thịnh	1.400.000.000	
Cty CP Thép Cao Bắc	17.756.350.420	
TCT CP Tập đoàn Tre gỗ Việt Nam	289.568.846	
Cty Thẩm định giá Vietvalue	100.000.000	
Các khách hàng khác	518.707.944	437.498.472
Cộng:	25.227.154.943	7.505.516.408
4- Phải thu khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cổ tức đã chia năm 2010 từ lợi nhuận của khoản đánh giá lại quyền khai thác mỏ (*)	115.122.125.837	
- Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	108.649.313	-
Cộng:	115.230.775.150	-
(*) Đây là khoản cổ tức đã chia từ lợi nhuận thu được của việc đánh giá lại giá trị quyền khai thác mỏ đem góp vốn vào Công ty Cổ phần An Hồng Phương. Do việc hủy phương án góp vốn bằng quyền khai thác mỏ theo Nghị quyết số 68/2012/BB-HĐQT ngày 20/06/2012 của Hội đồng Quản trị nên số cổ tức đã chia này sẽ được bù đắp bởi các khoản lợi nhuận các năm tương lai.		
5- Hàng tồn kho		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	5.000.000.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.060.605.177	3.660.239.963
Thành phẩm	2.569.909.225	3.469.909.225
Cộng:	17.630.514.402	7.130.149.188
6- Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.199.016.728	20.287.777.309
Cộng:	1.199.016.728	20.287.777.309

7- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
<i>Số dư đầu năm</i>	36.546.500	15.442.913.367	3.091.166.231	23.861.818	18.594.487.916
Mua trong năm	-	717.551.818	15.525.000	-	733.076.818
Đầu tư XDCB	-	-	-	-	-
Thanh lý	-	(135.000.000)	(961.263.637)	-	(1.096.263.637)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	36.546.500	16.025.465.185	2.145.427.594	23.861.818	18.231.301.097
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	25.415.672	1.031.207.932	650.655.575	16.514.104	1.723.793.283
Khấu hao	6.091.080	2.872.700.238	488.477.415	2.932.114	3.370.200.847
Giảm khác	-	(35.780.434)	(272.491.549)	-	(308.271.983)
<i>Số dư cuối năm</i>	31.506.752	3.868.127.736	866.641.441	19.446.218	4.785.722.147
Giá trị còn lại					
<i>Số đầu năm</i>	11.130.828	14.411.705.435	2.440.510.656	7.347.714	16.870.694.633
<i>Số cuối năm</i>	5.039.748	12.157.337.449	1.278.786.153	4.415.600	13.445.578.950

8- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Mua sắm Tài sản cố định</i>	18.365.480.628	18.290.026.083
Mò đồng Vạn Sài, Phù Yên, Sơn La	877.839.568	877.839.568
Nhà máy chế biến quặng đồng, vàng Sơn La	4.237.736.500	4.162.281.955
Mò sắt 409 Hưng Thịnh, Yên Bái	5.602.000.000	5.602.000.000
Mò sắt Cận Công, Yên Bái	7.647.904.560	7.647.904.560
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	67.607.277.966	61.484.203.590
Mò Atimon Bù Lột, Hòa Bình	1.147.674.301	730.856.378
Mò Vạn Sài, Mộc Châu, Sơn La	19.500.000.000	19.500.000.000
Mò đồng Vạn Sài, Phù Yên, Sơn La	1.465.788.521	1.178.846.521
Nhà máy chế biến quặng đồng, vàng Sơn La	9.472.134.661	7.392.852.363
Mò sắt 409 Hưng Thịnh, Yên Bái	7.148.063.599	5.186.432.500
Nhà máy chế biến gỗ	1.800.793.937	422.392.881
Mò vàng Pắc Ta, Lai Châu	27.072.822.947	27.072.822.947
Cộng:	85.972.758.594	79.774.229.673

9- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần An Hồng Phương	50.000.000.000	235.590.000.000
Cộng:	50.000.000.000	235.590.000.000

Góp vốn theo Nghị quyết số 56/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/05/2012 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012; Biên bản họp số 68/2012/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Tây Bắc về việc đồng ý rút lại quyền khai thác mỏ đã đem góp vốn vào Công ty Cổ phần An Hồng Phương, giảm từ 235.590.000.000 đồng xuống còn 50.000.000.000 đồng góp vốn bằng tiền mặt.

10- Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ môi trường tại UBND tỉnh Sơn La		10.000.000.000
Ký quỹ tại Sở tài nguyên tỉnh Yên Bái	248.325.000	248.325.000
Cộng:	<u><u>248.325.000</u></u>	<u><u>10.248.325.000</u></u>

11- Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Mỹ Đình - PGD Đan Phượng	2.400.000.000	-
Cộng:	<u><u>2.400.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

12- Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cty CP luyện kim Đông Bắc	5.371.881.718	146.881.718
Văn phòng đăng ký đất Yên Bái	106.794.800	106.794.800
TCT Cổ phần tập đoàn tre gỗ Việt Nam		245.581.154
Cty CP Luyện Kim Phú Thịnh (Đông Á)	416.884.942	2.220.889.422
Cty CP thép Cao Bắc		311.033.580
DNTN Hà Thủy Anh	30.242.698	138.837.830
Cty TNHH MTV Yên Bái - Lào Cai		1.043.842.800
Cty CP Đồng Vàng Bắc Kạn	16.214.142.000	
Cty CP Cát Thịnh	213.807.000	
Cty TNHH Đại Đồng Tiến	142.318.850	
Cty TNHH TM Hải Bình Phát	452.729.600	
Công ty cổ phần Hà Quang	5.500.000.000	
Các khách hàng khác	440.192.426	175.020.403
Cộng:	<u><u>28.888.994.034</u></u>	<u><u>4.388.881.707</u></u>

13- Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
TCT CP Khoáng sản Na Rì Hamico	94.931.192	
Cty CP XNK Lâm Nghiệp Yên Bái	344.000.000	15.350.000.000
Cộng:	<u><u>438.931.192</u></u>	<u><u>15.350.000.000</u></u>

14- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế tài nguyên	35.000.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	127.500.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.143.999.653	73.767.908.849
Thuế thu nhập cá nhân	155.227.068	26.675.755
Cộng:	9.461.726.721	73.794.584.604

15- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	5.875.000	5.875.000
Bảo hiểm y tế	1.192.500	1.192.500
Cổ tức phải trả	13.400.000.000	13.400.000.000
Bảo hiểm thất nghiệp	560.000	560.000
Phải trả khác	32.449.506	3.269.506
Cộng:	13.440.077.006	13.410.897.006

16- Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	268.000.000.000	257.240.498	128.620.249	20.743.319.438
Lãi trong năm trước	-	-	-	28.269.689.146
Tăng khác (trích lập quỹ)	-	3.993.179.590	1.996.589.795	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	(16.929.454.158)
Giảm khác	-	-	-	(13.400.000.000)
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	268.000.000.000	4.250.420.088	2.125.210.044	18.683.554.426
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	40.347.821.738
Tăng khác	-	2.371.825.282	20.160.514.899	195.539.700.000
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(21.933.939.449)	(254.269.804.428)
Số dư cuối năm nay	268.000.000.000	6.622.245.370	351.785.494	301.271.736

b- Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	26.800.000	26.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông bán ra công chúng	26.800.000	26.800.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	26.800.000	26.800.000
(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	: 10.000 VND/cổ phiếu	
Mã cổ phiếu	: KTB	

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

17- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán khoáng sản	78.277.197.600	194.072.325.009
Cộng:	78.277.197.600	194.072.325.009

18- Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng đã bán	75.226.519.200	152.973.925.365
Cộng:	75.226.519.200	152.973.925.365

19- Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.015.763.832	961.737.250
Cổ tức từ Cty CP An Hồng Phương	40.050.300.000	-
Cộng:	41.066.063.832	961.737.250

20- Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi vay	146.588.492	-
Cộng:	146.588.492	-

21- Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý tài sản TSCĐ	1.000.000.000	-
Cộng:	1.000.000.000	-

22- Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt, bồi thường	-	438.641.942
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	787.991.654	-
Cộng:	787.991.654	438.641.942

23- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.451.995.650	37.839.132.842
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	(40.035.300.000)	438.641.942
- Điều chỉnh tăng	15.000.000	438.641.942
- Điều chỉnh giảm	(40.050.300.000)	-
Thu nhập chịu thuế	416.695.650	38.277.774.784
Thuế suất thuế thu nhập hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	104.173.913	9.569.443.696
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	104.173.913	9.569.443.696

24- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế	40.347.821.738	28.269.689.146
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	40.347.821.738	28.269.689.146
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	26.800.000	26.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.506	1.055

VII. THÔNG TIN KHÁC**1- Thông tin về các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên chủ chốt, bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số dư cuối năm (VND)
Bà Nguyễn Thị Hiên	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng tiền Công ty	597.648.000
Ông Nguyễn Văn Dĩnh - Chủ tịch kiêm TGĐ TCT Cổ phần Khoáng sản Na rì Hamico	Anh trai Bà Nguyễn Thị Hiên	Trả trước tiền mua hàng hóa	94.931.192

2- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam.

3- Công cụ tài chính

Ngày 06/01/2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (áp dụng từ năm tài chính 2011).

3-1 Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.873.037.282	252.976.933
Các khoản đầu tư	50.000.000.000	235.590.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	161.141.272.353	30.708.627.716
Tài sản tài chính khác		
Tổng cộng	<u><u>213.017.309.635</u></u>	<u><u>266.551.604.649</u></u>
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản phải trả khách hàng, phải trả khác	42.768.002.232	19.738.881.707
Chi phí phải trả	-	-
Cá khoản vay	2.400.000.000	-
Tổng cộng	<u><u>45.168.002.232</u></u>	<u><u>19.738.881.707</u></u>

3-2 Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/ chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ

Cấu trúc vốn của công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc chủ sở hữu của các cổ đông/ chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3-3 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3-3-1 Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

3-3-2 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3-3-3 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

3-3-4 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

3-3-5 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức độ có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

4- **Đánh giá khái quát một số chỉ tiêu tài chính**

Hệ số khả năng thanh toán	Năm nay	Năm trước
Hệ số thanh toán hiện hành	3,19	0,54
Hệ số thanh toán nhanh	2,84	0,29
Hệ số thanh toán bằng tiền	0,03	0,00
Hệ số khả năng sinh lời	Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CP thường (ROE)	15,06%	10,55%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	51,54%	14,57%
Doanh thu trên tổng TS	0,24	0,48
Doanh thu thuần trên TSCĐ	0,79	2,01
Lợi nhuận sau thuế trên TSCĐ	0,41	0,29
Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	12,20%	9,43%
Tỷ suất tăng trưởng lợi nhuận	15,06%	8,56%
Hệ số nợ (Hệ số rủi ro)	Năm nay	Năm trước
Nợ dài hạn trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%
Tổng nợ trên vốn chủ sở hữu	20,85%	36,99%
Nợ dài hạn trên tổng tài sản	0,00%	0,00%
Tổng nợ trên tổng tài sản	17,25%	27,00%
Tổng nợ/vốn cổ phần thường	21,42%	40,45%
Khả năng thanh toán lãi vay	276,96	#DIV/0!

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN TÂY BẮC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số 738 Lạc Long Quân, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Cơ cấu tài sản, vốn	Năm nay	Năm trước
TSLĐ và ĐT ngắn hạn/Tổng tài sản	55,01%	14,69%
TSCĐ và ĐT dài hạn/Tổng tài sản	44,99%	85,31%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	17,25%	27,00%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	82,75%	73,00%

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Đỗ Hữu Mạnh

Ngô Văn Hiến



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hiền

